TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 250/2019/QĐST-HNGĐ	*Gò Công Tây, ngày 25 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 223/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984. Trú tại: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1979. Trú tại: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Kim N sinh ngày 09/12/2005 và Nguyễn Thị Bảo N sinh ngày 25/02/2011. Anh Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N và cháu N mỗi cháu mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định tính theo thời điểm cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi (tại thời điểm giải quyết ½ tháng lương cơ sở là 745.000đ). Thời gian bắt đầu thực hiện tháng 08/2019.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị T nộp toàn bộ là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 40351 ngày 24/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị T đã nộp xong án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tám